

Thuế chống bán phá giá và tác động đến ngành thép Việt Nam giai đoạn 2023 - 2025

ThS. Hồ Thị Thuý

Khoa Kinh tế - Quản trị, Trường Đại học Hải Dương

Email: uhdthuyho.edu@gmail.com

Ngày nhận bài: 31/3/2025

Ngày chấp nhận đăng: 10/4/2026

Tóm tắt - Thuế chống bán phá giá (CBPG) là một trong các biện pháp phòng vệ thương mại của Việt Nam nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước, đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng.

Bài viết sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp để hệ thống hóa lý luận về thuế CBPG, làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò, mục tiêu, khung pháp lý, quy trình điều tra và áp dụng thuế chống bán phá giá; Thu thập, tổng hợp số liệu, xử lý số liệu bằng phần mềm Microsoft Excel để phân tích thực trạng thuế CBPG ngành thép Việt Nam giai đoạn 2023 – 2025; Đánh giá tác động và đề xuất giải pháp, khuyến nghị đối với các doanh nghiệp ngành thép.

Từ khóa - Phòng vệ thương mại, thuế chống bán phá giá, nhập khẩu thép, xuất khẩu thép, ...

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, ngành thép Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội phát triển nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với không ít thách thức, đặc biệt là xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ từ các nước lớn như EU, Mỹ và các vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp ngày càng nhiều, làm tăng chi phí và rủi ro xuất khẩu.

Hiện tượng bán phá giá không chỉ gây tổn hại nghiêm trọng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước mà còn ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển bền vững của toàn ngành. Trước thực tế đó, việc áp dụng thuế CBPG đã trở thành một công cụ quan trọng nhằm bảo vệ sản xuất nội địa và đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2023–2025, cùng với sự gia tăng các vụ việc điều tra và áp dụng biện pháp CBPG cả ở trong nước và quốc tế, ngành thép Việt Nam đang đặt ra nhiều vấn đề cần được phân tích và làm rõ. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách hệ thống cơ sở lý luận về thuế CBPG và thực trạng áp dụng trong ngành thép Việt Nam là cần thiết, góp phần đề xuất các giải pháp và khuyến nghị phù hợp cho doanh nghiệp ngành thép Việt Nam.

Mục tiêu nghiên cứu: Bài viết hệ thống hóa lý luận về CBPG; Phân tích thực trạng thuế CBPG ngành thép Việt Nam 2023- 2025; Đánh giá tác động và đề xuất các giải pháp, khuyến nghị đối với các doanh nghiệp thép Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu: Bài viết sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp từ Báo cáo xuất nhập khẩu của Bộ Công thương, Báo cáo thị trường thép, Báo cáo ngành thép giai đoạn 2022-2024; tổng hợp số liệu 2025 trên các trang

web Tạp chí Công thương, Tạp chí Đầu tư, Cafef,... và dùng phần mềm Microsoft excel để xử lý số liệu.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận về thuế chống bán phá giá

2.1.1. Khái niệm thuế chống bán phá giá

- *Bán phá giá (Dumping)*: Là hành vi doanh nghiệp nước ngoài bán hàng hóa vào thị trường nhập khẩu với giá thấp hơn giá bán tại thị trường nước xuất khẩu hoặc thấp hơn giá thành sản xuất, gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước.

- *Thuế chống bán phá giá* là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước. [1]

Thuế chống bán phá giá là biện pháp phòng vệ thương mại hợp pháp được WTO cho phép theo Hiệp định chung về thuế quan và thương mại GATT 1994.

2.1.2. Đặc điểm, vai trò của thuế chống bán phá giá

Đặc điểm của thuế chống bán phá giá:

- Thuế chống bán phá giá chỉ được áp dụng ở mức độ cần thiết và hợp lý, với mục tiêu ngăn chặn hoặc giảm thiểu thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

- Việc áp dụng thuế chống bán phá giá phải tuân thủ các quy định pháp luật và dựa trên kết quả của cuộc điều tra thích hợp.

- Thuế chống bán phá giá được áp dụng cho hàng hóa bán phá giá khi nhập khẩu vào Việt Nam.

- Việc áp dụng thuế chống bán phá giá không được phép gây ra thiệt hại cho lợi ích kinh tế - xã hội trong nước.

- Thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá không vượt quá 05 năm, tính từ ngày quyết định áp dụng có hiệu lực. Trong một số trường hợp nhất định, quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá sẽ được gia hạn thêm.

- Liên quan đến các tổ chức quốc tế, các biện pháp chống bán phá giá thường được giám sát bởi Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), và các nguyên tắc của WTO cũng có thể ảnh hưởng đến quá trình áp dụng thuế chống bán phá giá.

- Tác động đối với thị trường: Thuế chống bán phá giá có thể tạo ra ảnh hưởng lớn đối với thị trường bằng cách làm tăng giá hàng hóa nhập khẩu, bảo vệ doanh nghiệp

trong nước, nhưng cũng có thể tăng chi phí cho người tiêu dùng và các ngành công nghiệp sử dụng hàng hóa đó.

Vai trò của thuế CBPG

- *Khuyến khích sự cạnh tranh công bằng:* ngăn chặn việc các sản phẩm nhập khẩu được bán với giá thấp do bán phá giá. Điều này giúp bảo vệ các doanh nghiệp sản xuất trong nước và thúc đẩy sự cạnh tranh dựa trên chất lượng và hiệu suất sản xuất, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- *Bảo vệ ngành công nghiệp nội địa:* Khi các công ty nước ngoài bán hàng dưới giá thị trường hoặc dưới giá sản xuất để gia nhập thị trường, gây nguy hiểm đến doanh nghiệp trong nước. Lúc này thuế chống bán phá giá sẽ đẩy cao giá cả đối với sản phẩm nhập khẩu, giúp các nhà sản xuất trong nước cạnh tranh một cách công bằng hơn.

- *Đảm bảo việc làm:* Khi sản phẩm được nhập khẩu với giá thấp, các công ty trong nước có thể gặp khó khăn về bán hàng, dẫn đến thu hẹp quy mô, thậm chí phá sản. Áp dụng thuế chống bán phá giá có thể giúp các công ty trong nước tiếp tục hoạt động sản xuất và tạo việc làm cho người lao động, từ đó giúp doanh nghiệp duy trì thu nhập và quyền lợi của người lao động.

- *Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng:* Ngăn chặn sự cạnh tranh không lành mạnh từ việc bán phá giá các sản phẩm nhập khẩu và giúp đảm bảo rằng người tiêu dùng nhận được sản phẩm chất lượng cao với giá cả hợp lý. Việc áp dụng thuế chống bán phá giá còn giúp tạo sự công bằng, minh bạch trong thương mại quốc tế, đồng thời giảm thiểu rủi ro về chất lượng sản phẩm. Vì thế, người tiêu dùng có thể yên tâm hơn khi tiêu dùng và không phải lo lắng về biến động giá cả cũng như chất lượng hàng hóa.

- *Thúc đẩy nền kinh tế:* Thuế chống bán phá giá giúp cân bằng cạnh tranh và bảo vệ sự đa dạng hàng hóa của các ngành công nghiệp, duy trì chuỗi cung ứng và sản xuất trong nước. Nó giúp ngăn chặn một số nhà cung cấp nước ngoài nắm quyền kiểm soát hoàn toàn phân khúc thị trường quốc tế.

- *Điều tiết thị trường:* Thuế chống bán phá giá còn có vai trò điều tiết thị trường và bình ổn giá cả. Bằng cách ngăn chặn việc bán phá giá, các chính phủ có thể tác động đến giá cả và duy trì tăng trưởng thị trường dựa trên các quy tắc và nguyên tắc công bằng.

- *Tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước:* Thuế chống bán phá giá là một trong những nguồn thu ngân sách quốc gia và góp phần tăng cường cơ sở hạ tầng và hỗ trợ tài chính cho sự phát triển của ngành.

2.1.3. Mục tiêu của thuế CBPG

- Bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh không lành mạnh từ hàng nhập khẩu.

- Đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng, tránh thao túng thị trường.

- Khuyến khích doanh nghiệp nội địa nâng cao năng lực, chất lượng sản phẩm và hiệu quả quản lý.

- Là công cụ chính sách thương mại giúp Chính phủ cân bằng cán cân thương mại và bảo vệ lợi ích quốc gia.

2.1.4. Khung pháp lý về thuế CBPG

Việt Nam:

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của Quốc hội, quy định về biện pháp quản lý ngoại thương, phát triển hoạt động ngoại thương; giải quyết tranh chấp về áp dụng biện pháp quản lý ngoại thương.

- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội, quy định về đối tượng chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, thời điểm tính thuế, biểu thuế, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Văn bản hợp nhất số 94/VBHN-VPQH ngày 22/08/2025, quy định về đối tượng chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, thời điểm tính thuế, biểu thuế, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Nghị định 86/2025/NĐ-CP ngày 11/04/2025, quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về cách xác định thiệt hại của ngành sản xuất trong nước; chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại; căn cứ tiến hành, trình tự, thủ tục, thời hạn, nội dung, căn cứ chấm dứt điều tra vụ việc phòng vệ thương mại (sau đây gọi là điều tra); áp dụng, rà soát biện pháp phòng vệ thương mại; xác định trợ cấp và biện pháp chống trợ cấp; trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan trong quá trình điều tra; xử lý biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Quốc tế:

- Điều VI Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT1994).

- Hiệp định Chống bán phá giá (ADA) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

2.1.5. Quy trình điều tra và áp dụng thuế CBPG

Bước 1: Doanh nghiệp nội địa nộp đơn yêu cầu điều tra.

Bước 2: Cục Phòng vệ Thương mại - Bộ Công Thương tiến hành điều tra sơ bộ và xác định biên độ phá giá.

Bước 3: Nếu xác định có hành vi bán phá giá và gây thiệt hại đáng kể, thuế chống bán phá giá tạm thời hoặc chính thức sẽ được áp dụng. Thời hạn thường không quá 5 năm, có thể gia hạn.

2.2. Thực trạng xuất nhập khẩu thép Việt Nam và các vụ việc áp thuế CBPG

2.2.1. Nhập khẩu

BẢNG 1. KIM NGẠCH NHẬP KHẨU THÉP VÀO VIỆT NAM 2023 - 2025

Năm	Nhập khẩu thép		
	Lượng (Triệu tấn)	Giá (USD/tấn)	Trị giá (Tỷ USD)
2023	13,3	781,95	10,4
Tăng/ giảm so với năm 2022 (%)	13,68	-23,12	-12,61
2024	17,7	710,40	12,6
Tăng/ giảm so với năm 2023 (%)	33,08	-9,15	21,15
2025	16,09	666,92	11,21
Tăng/ giảm so với 2024 (%)	-9,10	-6,12	-11,03

(Nguồn: Báo cáo XNK Việt Nam các năm 2022, 2023, 2024 - Bộ Công Thương và tổng hợp của tác giả)

Nhập khẩu thép của Việt Nam năm 2023 đạt 13,3 triệu tấn, trị giá đạt trên 10,4 tỷ USD, tăng 13,68% về lượng nhưng giảm 23,12% về giá nên giảm 12,61% về trị giá so với năm 2022.

Năm 2024, nhập khẩu thép của Việt Nam đạt 17,7 triệu tấn, trị giá đạt 12,6 tỷ USD, tăng mạnh 33,08% về lượng; mức giá trung bình nhập khẩu khoảng 710,4 USD/tấn, giảm 9,15% so với năm 2023 nên tốc độ tăng về giá trị đạt 21,15% thấp hơn tốc độ tăng về lượng.

Nguyên nhân chủ yếu là lượng thép giá rẻ nhập khẩu từ Trung Quốc tăng đột biến 43,9%, ảnh hưởng đến các doanh nghiệp thép trong nước.

Năm 2025, nhập khẩu thép của Việt Nam đạt 16,09 triệu tấn, trị giá đạt 11,21 tỷ USD, giảm 9,10% về lượng, giảm 11,03% về trị giá so với năm 2024 và giảm 6,12% về giá so với năm 2024. Tuy nhiên so với 2023 thì lượng và giá trị nhập khẩu vẫn rất lớn.

BẢNG 2: MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THÉP CHÍNH CỦA VIỆT NAM

Thị trường	2023			Tăng/ giảm so với năm 2022			2024			Tăng/ giảm so với năm 2023			2025		Tăng/ giảm so với 2024	
	Lượng (1.000 tấn)	Giá (USD/tấn)	Trị giá (Triệu USD)	Lượng (%)	Giá (%)	Trị giá (%)	Lượng (1.000 tấn)	Giá (USD/tấn)	Trị giá (Triệu USD)	Lượng (%)	Giá (%)	Trị giá (%)	Lượng (1.000 tấn)	Trị giá (Triệu USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Trung Quốc	8.289,3	682	5.651,2	62,9	-30,0	13,9	11.931,6	628	7.490,0	43,9	-8,0	32,5	9.244,2	5.807,2	-22,5	-22,5
Nhật Bản	1.914,7	753	1.441,1	-	-19,7	-19,7	2.189,7	687	1.504,8	14,4	-8,7	4,4	2.183,2	1.430,0	-0,3	-5,0
Hàn Quốc	1.108,0	996	1.103,9	-10,1	-16,1	-24,5	1.423,8	884	1.258,8	28,5	-11,2	14,0	1.693,8	1.312,9	19,0	4,3
Đài Loan	747,1	763	569,9	-36,2	-15,3	-45,9	871,3	728	633,9	16,6	-4,6	11,2	914,9	609,7	5,0	-3,8
Ấn Độ	413,5	668	276,4	-61,6	-7,9	-64,6	246,1	740	182,0	-40,5	10,7	(34,1)	129,3	106,0	-47,5	-41,8

(Nguồn: Báo cáo XNK Việt Nam các năm 2022, 2023, 2024 - Bộ Công Thương và tổng hợp của tác giả)

Giai đoạn 2023 - 2025: Cơ cấu và xu hướng nhập khẩu thép của Việt Nam từ một số thị trường chính có sự biến động rõ rệt. Trung Quốc luôn là nguồn cung lớn nhất, lượng thép nhập khẩu chiếm tỷ trọng vượt trội 57,5% - 67,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu thép của Việt Nam và có xu hướng tăng mạnh năm 2023, 2024 và giảm nhẹ năm 2025.

Nhật Bản duy trì vị trí thứ hai với lượng nhập khẩu tăng nhẹ năm 2024 và gần như đi ngang năm 2025, chiếm

tỷ trọng khoảng 5,7%-13,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu thép của Việt Nam.

Tiếp theo là Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ với lượng nhập khẩu có xu hướng tăng nhưng chiếm tỷ trọng nhỏ, dưới 10,5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu thép của Việt Nam.

2.2.2. Xuất khẩu:

BẢNG 3. KIM NGẠCH XUẤT KHẨU THÉP VÀO VIỆT NAM 2023 - 2025

Năm	Xuất khẩu thép		
	Lượng (Triệu tấn)	Giá (USD/tấn)	Trị giá (Tỷ USD)
2023	11.1	700.00	8.35
Tăng/ giảm so với năm 2022 (%)	32.14	-26.43	5.70
2024	12.6	719.00	9.1
Tăng/ giảm so với năm 2023 (%)	13.51	2.71	8.98
2025	10.06	658.55	6.63
Tăng/ giảm so với 2024 (%)	-20.16	-8.41	-27.14

(Nguồn: Báo cáo XNK Việt Nam các năm 2022, 2023, 2024 - Bộ Công Thương và tổng hợp của tác giả)

Xuất khẩu thép của Việt Nam năm 2023 đạt 11,1 triệu tấn, trị giá đạt gần 8,35 tỷ USD, tăng 32,14% về lượng nhưng giảm 26,43% về giá nên chỉ tăng 5,70% về trị giá so với năm 2022.

Năm 2024, xuất khẩu thép của Việt Nam đạt 12,6 triệu tấn, trị giá đạt 9,1 tỷ USD, tăng 13,51% về lượng, tăng 8,98% về trị giá; mức giá xuất khẩu trung bình khoảng 719,0 USD/tấn, tăng nhẹ 2,71% so với năm 2023. Lượng

thép xuất khẩu tăng mạnh 2023, 2024 ở thị trường Mỹ và EU.

Năm 2025, xuất khẩu thép của Việt Nam đạt 10,06 triệu tấn, trị giá đạt 10,06 tỷ USD, giảm 20,16% về lượng, giảm 27,14% về trị giá so với năm 2024 và giảm 8,41% về giá so với năm 2024 do dư cung.

Bảng 4 dưới đây thống kê một số thị trường xuất khẩu thép chính của Việt Nam:

BẢNG 4. MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU THÉP CỦA VIỆT NAM

DVT: 1.000 tấn, triệu USD, %

Thị trường	2023		Tăng/ giảm so với năm 2022		2024		Tăng/ giảm so với năm 2023		2025		Tăng/ giảm so với 2024	
	Lượng (1.000 tấn)	Trị giá (Triệu USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (1.000 tấn)	Trị giá (Triệu USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (1.000 tấn)	Trị giá (Triệu USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
EU	2.546,7	1.895,0	86,2	29,0	2.856,0	2.035,4	5,6	7%	1.830,7	1.443,1	-35,9%	-29,1%
Mỹ	1.077,4	851,9	58,8	1,2	1.670,2	1.319,0	55,0	54,8	807,0	531,0	-51,7%	-59,7%
Ấn Độ	967,6	715,3	416,6	319,3	768,8	697,9	-20,5	-2,3	921,8	716,1	19,9%	2,6%
Thái Lan	311,1	260,7	7,6	-7,5	163,3	148,6	-47,5	-43,0	285,8	219,9	75,0%	48,0%

(Nguồn: Báo cáo XNK Việt Nam các năm 2022, 2023, 2024 - Bộ Công Thương và tổng hợp của tác giả)

Giai đoạn 2023 - 2025: Cơ cấu và xu hướng xuất khẩu thép của Việt Nam sang một số thị trường chủ lực có sự biến động khá mạnh và không đồng đều giữa các khu vực. EU là thị trường lớn nhất với sản lượng xuất khẩu năm 2023 đạt khoảng 2,55 triệu tấn, tăng mạnh so với năm 2022 và tiếp tục tăng lên gần 2,86 triệu tấn vào năm 2024, cho thấy xu hướng mở rộng ổn định. Tỷ trọng sản lượng xuất khẩu chiếm khoảng 23% tổng kim ngạch xuất khẩu thép của Việt Nam.

Thị trường Mỹ cũng ghi nhận mức tăng trưởng cao, mức tăng sản lượng xuất khẩu 58,8% năm 2023 và 55,0% năm 2024), tuy nhiên đến năm 2025 lại giảm mạnh cả về lượng và trị giá, chiếm tỷ trọng từ 10% - 13% tổng kim

ngạch xuất khẩu thép của Việt Nam, phản ánh sự suy yếu về nhu cầu hoặc tác động của các rào cản thương mại.

Đáng chú ý, Ấn Độ có mức tăng sản lượng xuất khẩu đột biến năm 2023, tăng 416,6% nhưng không duy trì được đà này khi giảm trong năm 2024, sau đó phục hồi nhẹ vào năm 2025. Trong khi đó, Thái Lan có xu hướng giảm liên tục sau khi tăng nhẹ năm 2023, đặc biệt năm 2024 giảm sâu cả về lượng và trị giá.

Nhìn chung, xuất khẩu thép của Việt Nam phụ thuộc vào một số thị trường lớn như EU và Mỹ, nhưng tính ổn định chưa cao, dễ bị tác động bởi biến động nhu cầu và chính sách thương mại quốc tế.

2.2.3. Các vụ việc áp thuế CBPG

BẢNG 5. CÁC VỤ VIỆC ĐIỀU TRA CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ LÊN THÉP NHẬP KHẨU TỪ VIỆT NAM

Quốc gia điều tra	Vụ việc	Sản phẩm bị điều tra	Đối tượng điều tra	Thời gian điều tra	Mức áp thuế
EU	Khởi xướng điều tra ngày 08/08/2024	Thép cán nóng	Việt Nam, Nhật Bản, Ai Cập	01/4/2023 - 31/3/2024	Quy định (EU) 2025/1919 ký ngày 16/07/2025: - Việt Nam: 12,10% (Hòa Phát: 0%). - Nhật Bản: 6,9% - 30,0%. - Ai Cập: 11,7%.
Ấn Độ	Khởi xướng điều tra 14/8/2024	Thép cuộn cán nóng HRC	Việt Nam	4/2020 - 3/2024	13/8/2025, kết luận cuối cùng: - Hòa Phát: Không bị áp thuế do biên độ phá giá trong phạm vi 0% - 10%. - Các doanh nghiệp khác của Việt Nam: Biên độ phá giá 20% - 30%, thuế 121,5USD/tấn.
Mỹ	Khởi xướng từ tháng 9/2024.	Tôn mạ	Nhiều quốc gia bao gồm Việt Nam	04/2025 - 10/2025	39,84% - 88,12%.
Mỹ	Khởi xướng điều tra 25/09/2024	Thép chống ăn mòn (thép CORE)	Nhiều quốc gia bao gồm Việt Nam	6 tháng đầu năm 2024	26/08/2025, kết luận cuối cùng: Việt Nam: 88,98% - 110,21%.

Quốc gia điều tra	Vụ việc	Sản phẩm bị điều tra	Đối tượng điều tra	Thời gian điều tra	Mức áp thuế
Thái Lan	Khởi xướng rà soát cuối kỳ vào cuối năm 2024/đầu 2025.	Thép carbon cán nguội	Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan	2024	Gia hạn biện pháp áp thuế CBPG thêm 5 năm từ 25/01/2025 và giữ nguyên mức thuế 4.22% - 20.11%.
Thái Lan	Khởi xướng rà soát cuối kỳ 17/02/2025	Thép ống	Việt Nam	2024	- Mức thuế hiện tại 6,97% - 51,61% từ 02/2020. - Mức thuế tiếp tục áp dụng 6,97% - 51,61% từ 15/02//2025.
Mỹ	Khởi xướng điều tra mới 18/09/2025	Thép cốt bê tông	Việt Nam	1/10/2024 - 31/3/2025	Kết luận sơ bộ 12/03/2026, thuế CBPG sơ bộ: - Việt Nam: 121,97% - 130,77%. - Bungari: 52,80%. - Ai Cập: 34,20% - 52,73%. Dự kiến kết luận cuối cùng tháng 7-2026.
EU	Khởi xướng điều tra mới ngày 18/09/2025	Thép cán nguội	Việt Nam, Ấn Độ, Nhật Bản, Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ	12/2025 - 09/2026	Chưa có kết luận cuối cùng. Vụ việc đang trong giai đoạn rà soát, điều tra.
Ấn Độ	Khởi xướng điều tra mới ngày 29/9/2025	Thép cán nguội không gỉ	Việt Nam, Trung Quốc, Indonesia	04/2024 - 03/2025	Chưa có kết luận cuối cùng. Vụ việc đang trong giai đoạn rà soát, điều tra.

Giai đoạn 2023 - 2025: Thép Việt Nam đang phải đối mặt với làn sóng điều tra phòng vệ thương mại ngày càng gia tăng từ nhiều thị trường lớn như EU, Mỹ, Ấn Độ và Thái Lan, với phạm vi sản phẩm bị điều tra khá rộng (từ thép cán nóng, thép cuộn HRC, tôn mạ đến thép chống ăn mòn và thép cốt bê tông). Mỹ là thị trường áp dụng mức thuế cao nhất, đặc biệt trong các vụ việc liên quan đến thép cốt bê tông, với mức thuế lên tới 121,97% - 130,77%; Thép chống ăn mòn (thép CORE), với mức thuế 39,84% - 88,12% gây áp lực rất lớn cho xuất khẩu. Ấn Độ áp mức thuế CBPG 20% - 30% đối với thép cuộn cán nóng HRC. EU áp mức thuế CBPG 12,10% đối với thép cán nóng.

Nguyên nhân chính là tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tăng nhanh. Theo số liệu của Bộ Công Thương, 6 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu thép dẹt cán nguội của Việt Nam sang EU đạt 88,4 triệu USD, tăng 21,5% so

với cùng kỳ năm 2024, chiếm 9,8% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của EU. Ngày 18/09/2025, EU đã khởi xướng điều tra mới một số sản phẩm thép cán nguội của Việt Nam.

Ngoài ra, các vụ rà soát cuối kỳ tại Thái Lan kéo dài thời gian áp mức thuế CBPG cho thấy xu hướng duy trì các biện pháp bảo hộ trong thời gian dài.

Tuy nhiên, một điểm tích cực là Hòa Phát có thể được miễn hoặc chịu mức thuế thấp nhờ biên độ phá giá không đáng kể.

Nhìn chung, xu hướng gia tăng điều tra và áp thuế phản ánh sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường thép toàn cầu, đồng thời đặt ra yêu cầu cho doanh nghiệp Việt Nam phải nâng cao năng lực cạnh tranh, minh bạch hóa hoạt động và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để giảm thiểu rủi ro.

BẢNG 6. CÁC VỤ VIỆC VIỆT NAM KHỞI XƯỚNG ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI SẢN PHẨM THÉP NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM

Quyết định	Vụ việc	Sản phẩm bị điều tra	Nước/vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời hạn điều tra	Mức thuế / Kết quả
QĐ 1535/QĐ-BCT ngày 14/6/2024	Khởi xướng điều tra mới	Thép mạ	Trung Quốc; Hàn Quốc	Tháng 8.2025	2310/QĐ-BCT ngày 14.08.2025 Trung Quốc: 37,17%. Hàn Quốc: 12% - 15,67%.
QĐ 1985/QĐ-BCT ngày 26/7/2024	Khởi xướng điều tra mới	Thép cán nóng HRC	Ấn Độ; Trung Quốc.	Tháng 7/2025	QĐ 460/QĐ-BCT ngày 21/2/2025, áp dụng thuế tạm thời. Ấn Độ: Không áp thuế; Trung Quốc: Thuế CBPG tạm thời 19,38% - 27,83%.
					Quyết định 1204/QĐ-BCT ngày 28/04/2025, sửa đổi, bổ sung QĐ 460/QĐ-BCT - Ấn Độ: Không áp thuế; - Trung Quốc: Thuế CBPG tạm thời 19,38% - 27,83% cập nhật danh sách các doanh nghiệp bị áp thuế.

Quyết định	Vụ việc	Sản phẩm bị điều tra	Nước/vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời hạn điều tra	Mức thuế / Kết quả	
					Quyết định 1959/QĐ-BCT ngày 04/07/2025	- Ấn Độ: Chấm dứt điều tra vì lượng hàng hóa nhập khẩu từ quốc gia này trong thời kỳ điều tra nhỏ hơn 3% tổng lượng nhập khẩu. - Trung Quốc: Thuế CBPG 23,10% đến 27,83%.
1704/QĐ-BCT ngày 05/7/2023	Khởi xướng 2023	Cáp thép dự ứng lực	Malaysia, Thái Lan và Trung Quốc	05/01/2025.	QĐ 143/QĐ-BCT ngày 14/01/2025	Thuế CBPG 9,79% - 28%.
Rà soát hàng năm						
QĐ 3133/QĐ-BCT ngày 05/12/2023	Khởi xướng rà soát vụ việc	Thép hình chữ H	Trung Quốc	Tháng 11/2024	QĐ 3098/QĐ-BCT ngày 25/11/2024	Thay đổi từ 22,09% xuống 13,38%.
Rà soát cuối kỳ						
Quyết định số 2752/QĐ-BCT ngày 23/10/2023	Khởi xướng rà soát cuối kỳ lần 2 (Áp dụng biện pháp CBPG lần đầu 2014, rà soát lần 1 năm 2019)	Thép không gỉ cán nguội	Trung Quốc, Indonesia, Malaysia và Lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc)	12 tháng, bắt đầu từ tháng 12/2023	Quyết định số 3011/QĐ-BCT ngày 2/11/2024	Chấm dứt biện pháp chống bán phá giá sau 10 năm áp dụng.
Quyết định số 2751/QĐ-BCT ngày 23/10/2023	Khởi xướng rà soát cuối kỳ	Thép phủ màu	Trung Quốc và Hàn Quốc.	Tháng 10/2024	Quyết định số 2822/QĐ-BCT ngày 24/10/2024.	Tiếp tục gia hạn biện pháp chống bán phá giá thêm 05 năm.
Quyết định số 3565/QĐ-BCT ngày 25/12/2024	Khởi xướng rà soát cuối kỳ	Thép cán nguội	Trung Quốc	Tháng 9/2025	Quyết định số 2479/QĐ-BCT ngày 04/09/2025, gia hạn thời hạn rà soát cuối kỳ vụ việc nêu trên thêm 03 tháng, theo đó thời hạn kết thúc điều tra vụ việc là ngày 25 tháng 12 năm 2025.	Chưa có kết quả.

(Nguồn: Báo cáo XNK Việt Nam các năm 2022, 2023, 202 - Bộ Công Thương và tổng hợp của tác giả)

Giai đoạn 2023 - 2025: Việt Nam đã gia tăng đáng kể việc sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là CBPG, nhằm bảo vệ ngành thép trong nước trước áp lực cạnh tranh từ hàng nhập khẩu. Ở nhóm các vụ việc khởi xướng mới năm 2024, sản phẩm bị điều tra tập trung vào các mặt hàng quan trọng như thép mạ và thép cán nóng HRC, chủ yếu đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Ấn Độ. Kết quả cho thấy mức thuế áp dụng đối với Trung Quốc thường cao hơn đáng kể, thép mạ 37,17%, thép cán 27,83%, trong khi Hàn Quốc 12% - 15,67% và Ấn Độ chấm dứt điều tra do tỷ trọng xuất khẩu thấp. Điều này phản ánh mức độ cạnh tranh và nguy cơ bán phá giá từ Trung Quốc là lớn nhất.

Đối với các vụ việc từ năm 2023 được tiếp tục điều tra, Việt Nam đã chính thức áp thuế CBPG với mức từ 9,79% - 28% đối với sản phẩm cáp thép dự ứng lực từ một số nước ASEAN và Trung Quốc, cho thấy xu hướng

mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp phòng vệ. Bên cạnh đó, các hoạt động rà soát (hàng năm và cuối kỳ) cũng được triển khai tích cực nhằm điều chỉnh hoặc gia hạn các biện pháp đã áp dụng. Một số trường hợp đáng chú ý là việc giảm thuế đối với thép hình chữ H từ Trung Quốc, từ 22,09% xuống 13,38%; chấm dứt biện pháp CBPG đối với thép không gỉ cán nguội sau 10 năm áp thuế; trong khi các sản phẩm khác như thép phủ màu vẫn tiếp tục được gia hạn thêm 5 năm.

Nhìn chung, chính sách áp thuế CBPG của Việt Nam đang ngày càng linh hoạt và chủ động hơn: vừa áp dụng thuế cao đối với các nguồn gây áp lực lớn, vừa điều chỉnh hoặc dỡ bỏ biện pháp khi không còn cần thiết. Điều này góp phần bảo vệ ngành sản xuất trong nước, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định thương mại quốc tế và duy trì môi trường cạnh tranh hợp lý.

2.3. Tác động của thuế CBPG đến ngành thép Việt Nam

- Tác động tích cực (khi Việt Nam áp thuế lên thép nhập khẩu):

Bảo vệ ngành sản xuất thép nội địa trước tình trạng cạnh tranh không lành mạnh từ hàng nhập khẩu bán phá giá.

Duy trì môi trường cạnh tranh công bằng, góp phần ổn định thị trường.

Hài hòa lợi ích của doanh nghiệp sản xuất, người tiêu dùng và ngành hạ nguồn, thông qua cơ chế rà soát, điều chỉnh thuế linh hoạt.

Tăng giá bán trong nước: Giá thép nội địa tăng khoảng 10-15%, giúp doanh nghiệp cải thiện lợi nhuận, tái đầu tư và tăng năng lực cạnh tranh.

- Tác động tiêu cực và thách thức:

Tăng chi phí sản xuất: Thuế cao làm giá thép nhập khẩu đắt đỏ, ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp nhập khẩu và ngành cơ khí hỗ trợ, xây dựng.

Áp lực phòng vệ thương mại từ nước ngoài: Các quốc gia khác (EU, Mỹ) liên tục điều tra và áp thuế CBPG cao lên thép Việt Nam, đe dọa thị phần xuất khẩu.

Rủi ro pháp lý: Các nhà nhập khẩu đối mặt với nguy cơ bị truy thu thuế hoặc thay đổi chính sách đột ngột.

- Tác động tiêu biểu 2025 - 2026:

Việt Nam áp thuế tạm thời/chính thức lên thép HRC Trung Quốc 19,38% - 27,83% từ đầu năm 2025; mức 121,97% - 130,77% đối với thép cốt bê tông nhập khẩu từ 12/02/2026.

EU áp thuế CBPG 12,10% đối với thép cán nóng nhập khẩu từ Việt Nam từ 16/07/2025 và khởi xướng điều tra thép cán nguội từ 18/09/2025. Mỹ áp thuế CBPG cao 88,98% - 110,21% đối với thép chống ăn mòn (thép CORE) Việt Nam. Mexico áp thuế CBPG sơ bộ đối với thép cán nóng nhập khẩu từ Việt Nam gần 200USD/ tấn từ 23/3/2026.

2.4. Một số giải pháp, khuyến nghị đối với các doanh nghiệp thép Việt Nam

- Các doanh nghiệp thép Việt Nam cần nâng cao năng lực pháp lý, nắm rõ quy trình của một vụ kiện, bắt nhịp được yêu cầu của cơ quan điều tra cùng với sự chuẩn bị kỹ càng và sự hỗ trợ của Cục Phòng vệ thương mại - Bộ Công Thương.

- Hệ thống kế toán rõ ràng, minh bạch, đảm bảo việc truy xuất dữ liệu tham chiếu đầy đủ và chính xác. Trong quá trình điều tra cần hợp tác chặt chẽ, chủ động cung cấp đầy đủ dữ liệu, thông tin liên quan cho cơ quan điều tra của EU, Mỹ, ...

- Tránh sử dụng nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất sản phẩm thép xuất khẩu sang những thị trường nằm trong danh sách cảnh báo; tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, xuất xứ đối với hàng hóa của nước nhập khẩu vì nếu không sẽ dễ trở thành đối tượng của việc điều tra phòng vệ thương mại.

- Đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa thị trường.

- Doanh nghiệp xuất khẩu cần chủ động nắm bắt, ứng phó và sử dụng công cụ phòng vệ thương mại, không chỉ giúp bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, mà còn góp phần duy trì tăng trưởng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế.

3. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, sự gia tăng chủ nghĩa bảo hộ từ các nước lớn trên thế giới, thuế CBPG là một công cụ quan trọng nhằm bảo vệ sản xuất nội địa và đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng. Các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp ngành thép nói riêng cần nâng cao năng lực pháp lý; hệ thống kế toán minh bạch; chủ động nắm bắt, ứng phó và sử dụng công cụ phòng vệ thương mại như thuế CBPG để bảo vệ lợi ích, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/04/2016;
- [2] Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017;
- [3] Văn bản hợp nhất số 94/VBHN-VPQH ngày 22/08/2025 về Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- [4] Nghị định 86/2025/NĐ-CP ngày 11/04/2025, quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;
- [5] Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT1994).
- [6] Hiệp định Chống bán phá giá (ADA) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
- [7] Báo cáo Xuất nhập khẩu năm 2022, 2023, 2024 của Bộ Công Thương;
- [8] Báo cáo thị trường thép năm 2022, 2023, 2024, 2025 của VietnamBiz;
- [9] Báo cáo triển vọng ngành thép 2026, PSI, Công ty Cổ phần chứng khoán đầu khí.
- [10] <https://trungtamwto.vn/tin-tuc/30679-thep-xuat-khau-doi-mat-nguy-co-dieu-tra-phong-ve-thuong-mai>;
- [11] Trang web Tạp chí công thương <https://tapchicongthuong.vn/>;
- [12] Trang thông tin điện tử <https://cafef.vn/>;
- [13] Trang web của Hiệp hội thép Việt Nam <https://vsa.com.vn/>;
- [14] Trang web của Bộ Công Thương- Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại <https://asemconnectvietnam.gov.vn/default.aspx?ID1=1&ZID1=66&ID8=146436>;